TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG NGUYÊN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 29/2022/HNGĐ-ST Ngày: 29 - 11 - 2022 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dũng và ông Hoàng Nghĩa Toàn.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Mai Hương, Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An:*** Bà Nguyễn Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 123a/2022/ TLST - HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị LTN, sinh năm 1986; Địa chỉ: 19/26 tổ B, khu phố X, LB, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh PVD, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm X, xã N, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 21 tháng 10 năm 2022 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị LTN trình bày: Chị và anh PVD kết hôn với nhau ngày 14 tháng 6 năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND TT R, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Cạn. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc 03 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống của hai người không hợp nhau nên vợ

chồng đã sống ly thân từ dầu năm 2019. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được yêu cầu được ly hôn với anh D để giải phóng cho nhau.Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là PNM sinh ngày 15 tháng 11 năm 2012. Nguyện vọng của chị sau ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu PNM và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ. Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh PVD trình bày: Thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị LTN trình bày. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh xác nhận vợ chồng ly thân đã lâu nêu không thể hàn gắn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung PNM, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2012. Nếu ly hôn, nguyện vọng của chị N là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu PNM và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ, anh cũng đồng ý. Về tài sản chung và các khoản nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị LTN vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị LTN ly hôn với anh PVD. Về con chung: Giao con chung PNM, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2012 cho chị LTN trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh PVD có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị N mỗi tháng 1.500.000đ kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí: Chị LTN phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh PVD phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung". Bị đơn anh PVD có hộ khẩu thường trú tại Xóm X, xã N, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Do chị N có đơn xin xử vắng mặt vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên đã đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị LTN và anh PVD đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 6 năm 2012 tại UBND thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Cạn là không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không có sự hòa hợp vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị LTN cương quyết ly hôn vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh PVD cũng đồng ý ly hôn do vợ chồng mâu thuẫn và đã ly thân không thể hàn gắn tình cảm được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị LTN được ly hôn anh PVD.

[3]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Chị LTN và anh PVD 01 con chung PNM, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2012. Hiện tại cháu đang ở với mẹ, cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu đều đang ổn định và được đảm bảo. Cháu PNM có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung tên là PNM cho chị LTN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con của chị LTN và anh PVD, anh PVD có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị N mỗi tháng 1.500.000đ kể từ ngày 01 tháng 11/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành

[4]. *Về tài sản chung và khoản nợ*: Chị LTN và anh PVD không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5. *Về án phí*: Chị LTN phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh PVD phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQHH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị LTN được ly hôn anh PVD

2. Về con chung: Giao con chung là PNM, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2012 cho chị LTN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh PVD có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng với chị N mỗi tháng 1.500.000đ kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị LTN phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hưng Nguyên

theo biên lai thu tiền số 0003979 ngày 01 tháng 11 năm 2022. Anh PVD phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THADS huyện Hưng Nguyên
- Đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Quốc Tú